

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 149 /BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 19 tháng 5 năm 2021

BÁO CÁO

**Về tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công kế hoạch năm 2021
Kỳ báo cáo: tháng 4 năm 2021**

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Thông tư số 15/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công;

UBND tỉnh Kiên Giang báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công tháng 4 năm 2021 như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

1. Thanh toán vốn đầu tư công kế hoạch năm

- Tổng số vốn được giao trong năm kế hoạch: 4.817.769 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài thời hạn thanh toán theo quy định (nếu có): 203.586 triệu đồng.

+ Vốn kế hoạch năm: 4.613.913 triệu đồng.

- Lũy kế thanh toán vốn từ đầu năm đến hết tháng trước liền kề: 497.586 triệu đồng, đạt 10,33 % so với kế hoạch giao, trong đó:

+ Thanh toán vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài là: 10.902 triệu đồng, đạt 5,35 % kế hoạch giao;

+ Thanh toán vốn kế hoạch năm là: 486.684 triệu đồng, đạt 10,55 % kế hoạch giao.

- Ước lũy kế thanh toán vốn từ đầu năm đến hết tháng báo cáo: 1.068.015 triệu đồng, đạt 22,17 % so với kế hoạch giao, trong đó:

+ Thanh toán vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài là: 71.649 triệu đồng, đạt 35,15 % kế hoạch giao;

+ Thanh toán vốn kế hoạch năm là: 996.366 triệu đồng, đạt 21,59 % kế hoạch giao (kèm theo phụ lục).

2. Thanh toán vốn kế hoạch ứng trước (nếu có) và kết quả thực hiện vốn ứng trước chưa thu hồi: không có.



II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

- Tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công đến tháng 4 năm 2021 đạt 10,33 %, đạt thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.

- Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân chậm thực hiện và thanh toán vốn kế hoạch năm:

+ Tác động của dịch bệnh COVID-19 kéo dài ảnh hưởng đến công tác triển khai và thực hiện thi công các công trình làm chậm tiến độ thực hiện công trình.

+ Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của một số sở, ngành và chủ đầu tư chưa quyết liệt, chưa thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện. Quá trình thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư, công tác lựa chọn nhà thầu, giải phóng mặt bằng còn chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

III. GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã ban hành Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 22/3/2021 về việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và cũng đã ban hành Công văn số 612/UBND-KT ngày 14/5/2021 về việc tập trung đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 và vốn kéo dài để chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch đầu tư công của tỉnh năm 2021.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đề nghị Bộ, ngành Trung ương tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện bố trí đủ vốn cho địa phương đối với nguồn vốn Trung ương trung hạn giai đoạn năm 2021-2025.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 (tính đến ngày 30 tháng 4 năm 2021) trên địa bàn tỉnh Kiên Giang./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Đầu tư – Bộ Tài chính;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, P KT;
- Lưu: VT, nknguyen (01b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chín

Phụ lục
BÁO CÁO KẾT QUẢ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH NĂM 2021 - THÁNG 4

(Kèm theo Báo cáo số 149 /BC-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Vốn kế hoạch				Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng trước liền kề							Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng báo cáo		
		Tổng số	Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	Vốn kế hoạch giao trong năm		Tổng số	Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài			Thanh toán vốn kế hoạch năm			Tổng số	Trong đó	
				Kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao	Kế hoạch Bộ, cơ quan Trung ương/địa phương triển khai		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
								Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài	Thanh toán vốn kế hoạch năm
1	2	3=4+6	4	5	6	7=8+11	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16
	TỔNG SỐ	4.817.769	203.856	5.198.939	4.613.913	497.586	10.902	2.525	8.377	486.684	296.478	190.205	1.068.015	71.649	996.366
A)	DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ	4.817.769	203.856	5.198.939	4.613.913	497.586	10.902	2.525	8.377	486.684	296.478	190.205	1.068.015	71.649	996.366
	Vốn trong nước	4.564.362	160.738	4.983.650	4.403.624	465.786	10.688	2.311	8.377	455.098	286.356	168.741	1.000.473	61.031	939.442
	Vốn nước ngoài, trong đó:	506.814	86.236	430.578	420.578	63.600	428	428	0	63.172	20.244	42.928	135.084	21.236	113.848
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi	469.576	48.998	430.578	420.578	63.172	0	0	0	63.172	20.244	42.928	135.084	21.236	113.848
	- Theo cơ chế tài chính trong nước	37.238	37.238	0	0	428	428	428	0	0	0	0	0	0	0
I	Vốn NSNN	4.817.769	203.856	5.198.939	4.613.913	497.586	10.902	2.525	8.377	486.684	296.478	190.205	1.068.015	71.649	996.366
	Vốn trong nước	4.564.362	160.738	4.983.650	4.403.624	465.786	10.688	2.311	8.377	455.098	286.356	168.741	1.000.473	61.031	939.442
	Vốn nước ngoài, trong đó:	506.814	86.236	430.578	420.578	63.600	428	428	0	63.172	20.244	42.928	135.084	21.236	113.848
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi	469.576	48.998	430.578	420.578	63.172	0	0	0	63.172	20.244	42.928	135.084	21.236	113.848
	- Theo cơ chế tài chính trong nước	37.238	37.238	0	0	428	428	428	0	0	0	0	0	0	0
1	Vốn cân đối ngân sách địa phương	4.089.797	127.407	3.978.390	3.962.390	389.468	10.295	1.918	8.377	379.173	272.299	106.874	796.511	50.326	746.185
2	Vốn ngân sách Trung ương:	727.972	76.449	1.220.549	651.523	108.118	607	607	0	107.511	24.179	83.331	271.504	21.323	250.181
	Vốn trong nước	474.565	33.331	1.005.260	441.234	76.318	393	393	0	75.925	14.057	61.867	203.962	10.705	193.257
	Vốn nước ngoài, trong đó:	253.407	43.118	215.289	210.289	31.800	214	214	0	31.586	10.122	21.464	67.542	10.618	56.924
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi	234.788	24.499	215.289	210.289	31.586	0	0	0	31.586	10.122	21.464	67.542	10.618	56.924
	- Theo cơ chế tài chính trong nước	18.619	18.619	0	0	214	214	214	0	0	0	0	0	0	0
2.1	Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực	700.568	49.045	1.220.549	651.523	107.725	214	214	0	107.511	24.179	83.331	260.799	10.618	250.181
	Vốn trong nước	447.161	5.927	1.005.260	441.234	75.925	0			75.925	14.057	61.867	193.257		193.257
	Vốn nước ngoài, trong đó:	253.407	43.118	215.289	210.289	31.800	214	214	0	31.586	10.122	21.464	67.542	10.618	56.924
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi	234.788	24.499	215.289	210.289	31.586	0			31.586	10.122	21.464	67.542	10.618	56.924
	- Theo cơ chế tài chính trong nước	18.619	18.619	0	0	214	214	214	0	0	0	0	0	0	0
2.2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia	27.404	27.404	0	0	393	393	393	0	0	0	0	10.705	10.705	0
	Vốn trong nước	27.404	27.404			393	393	393		0			10.705	10.705	
	Vốn nước ngoài, trong đó:	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi	0				0	0			0			0		
	- Theo cơ chế tài chính trong nước	0				0	0			0			0	0	
2.3	Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao	0				0	0			0			0		
II	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định	0				0	0			0			0		